

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 24

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Cháo mực phô mai nấu bí đỏ, cải bó xôi, hành phi, hành lá, ngô rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Tôm sú rim nước dừa
- Canh bí xanh nấu thịt heo, nấm rơm
Xế: Nước cam
Xế chiều: Miến nấu thịt bò nấu su su , cà rốt, bông cải trắng, cải thìa, ngô gai
- NT nhóm 2: Cháo thịt bò, su su, cải thìa

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	3,140	12,560
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0523	Nước mắm loại I	300	4,180	12,540
5	0004	Gạo tẻ máy	1,700	2,560	43,520
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngô rí)	50	8,820	4,410
8	0632	Mực ống	300	36,650	109,950
9	0460	Pho mát (phô mai)	30	40,667	12,200
10	0085	Bí đỏ (bí ngô)	300	3,360	10,080
11	N0779	Cải bó xôi	100	8,510	8,510
12	0424	Tôm sú	800	30,980	247,840
13	0537	Nước dừa non tươi	500	3,890	19,450
14	0084	Bí đao (bí xanh)	800	4,310	34,480
15	0211	Nấm rơm	100	13,130	13,130
16	N0770	Thịt nạc dăm	200	18,800	37,600
17	0214	Cam sành	1,000	5,040	50,400
18	0038	Miến dong	300	5,390	16,170
19	0286	Thịt bò loại II	300	36,750	110,250
20	0180	Su su	200	3,050	6,100
21	0181	Bông cải trắng (súp lơ)	200	8,930	17,860
22	0089	Cà rốt	200	5,780	11,560
23	0097	Cải thìa (cải trắng)	100	5,460	5,460
24	0165	Rau mùi tàu (ngô gai)	50	6,410	3,205
25	0457	Sữa bột toàn phần	436.8	20,500	89,544

Tổng cộng	887,999
-----------	---------

Tổng tiền thực phẩm	887,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	887,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	5,883,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	5,883,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan